| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 20/2021/DS-ST.
Ngày: 24-5-2021
V/v *"Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Dương Chiêu Hùng
*Các Hội thẩm nhân dân*:
Ông Triệu Khánh Long
Bà Nguyễn Huỳnh Hoa

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Lê Anh Đô – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Hồ Văn Phân – Kiểm sát viên.

Trong ngày 24 tháng 5 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 79/2020/TLST-DS, ngày 18 tháng 5 năm 2020 về việc "Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2021/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số:10/2021QĐST-DS ngày 22 tháng 4 năm 2021 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.
- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1948 (Có mặt)
Ông Võ Minh T1, sinh năm 1979 (Có mặt)
Bà Võ Thị M, sinh năm 1981 (Vắng mặt)
Cùng địa chỉ: ấp M, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 5 năm 2020 (BL45); Biên bản lấy lời khai ngày 18/6/2020 (BL01) cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Hoàng Thị T trình bày:* Bà Hoàng Thị T có quyền sử dụng đất diện tích 4.000m$^2$ thuộc thửa 133 và diện tích 6.500m$^2$ thuộc thửa 134, cùng tờ bản đồ số 08; đất cùng tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Nguồn gốc quyền sử dụng đất của các thửa đất nêu trên là vợ chồng bà T được

bà Nguyễn Thị T2 là mẹ chồng bà T cho từ năm 1990 và bà T sử dụng nuôi trồng thủy sản, nhưng chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Vào năm 2015, bà T với bà Nguyễn Thị X xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa 133. Sự việc đã được Tòa án giải quyết bác đơn khởi kiện của bà X. Ngày 14/02/2019, gia đình bà X không cho bà T cải tạo đất (Sên mương). Đến ngày 20/6/2019, cơ quan chức năng có xuống động viên và các bên thống nhất như sau: Bà T đồng ý mở lối đi cho gia đình bà X không nhận tiền và gia đình bà X phải cho bà T sên mương, dỡ rào và lót đal. Đến khoảng 15 ngày sau, triều cường kết hợp mưa to gây nước ngập nhà bà T nên bà T sên mương thì bà Nguyễn Thị X, ông Võ Minh T1 và bà Võ Thị M ngăn cản. Hậu quả bà T không được canh tác thiệt hại đến quyền và lợi ích của bà T.

Nay bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị X, ông Võ Minh T1 và bà Võ Thị M phải bồi thường thiệt hại cho bà T như sau:

- Kể từ ngày 14/02/2019 đến ngày xét xử hôm nay ngày 24/5/2021 là 02 năm 03 tháng 10 ngày x 833.000 đồng/tháng = 22.768.667 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/7/2020 (BL48); Đơn tường trình không đề ngày tháng năm (BL102-103); Đơn trình bày ý kiến đề ngày 15/3/2021 (BL100) cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày*: Vào năm 2014 bà T không cho cả gia đình bà X đi ruộng, gia đình bà X đang nuôi tôm nhưng không cho đi, bà T rào 03 cái hàng rào và thưa bà ra Tòa án, đến năm 2015 Tòa án giải quyết mở lối đi cho bà X bề ngang 05 tất, lấy tiền 01 năm 500.000 đồng, gia đình bà X đi ruộng vác thức ăn rất vất vã đi không được nên bà X mới chặn thửa đất 133 không cho gia đình bà T đi, sau đó bà T thưa bà X ra Ủy ban nhân dân xã để mở đường cho bà T đi, sau đó Ủy ban nhân dân xã mới động viên gia đình bà X kêu mở đường cho gia đình bà T đi, còn bà T cũng mở đường cho gia đình bà X đi, bà T mở đường cho đi nhưng đỗ bê tông và giăng giây chì, đối với phần đất bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại, gia đình bà T đã bỏ hoang không có canh tác từ năm 2014 cho đến nay. Ủy ban nhân dân thị xã Vĩnh Châu giải quyết cũng không cho bà T canh tác, nay bà T yêu cầu gia đình bà X bồi thường thì bà X không đồng ý.

*Tại biên bản lấy lời khai ngày 25/6/2020 (BL46); cũng như trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Minh T1 trình bày*: Việc bà T yêu cầu gia đình ông T1 bồi thường, ông T1 không đồng ý vì những bản án giải quyết trước đây tranh chấp đất Tòa án đã bác đơn của gia đình ông T1, nhưng không có nói phần đất nào là của gia đình bà T hết, trong thỏa thuận của Ủy ban nhân dân xã chỉ thỏa thuận cho sên mương một lần cho gia đình bà T lấy nước vô khi nào có bản án của giám đốc thẩm xong giải quyết bên nào được sử dụng và bà T đã ký vào đơn thỏa thuận, nay bà T kiện gia đình ông bồi thường thiệt hại do không canh tác được nên ông không đồng ý.

*Đối với bị đơn bà Võ Thị M đều vắng mặt tại các buổi giải quyết của Tòa án và tại phiên tòa nên không có ý kiến trình bày.*

*Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến*: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa

hôm nay, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Tuy nhiên bị đơn Võ Thị M vẫn chưa chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng, chứng cứ Tòa án được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền và lợi hợp pháp cho các đương sự.

Về nội dung giải quyết vụ án: Qua xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, lời trình bày của bị đơn xét thấy: Việc nguyên đơn bà Hoàng Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết buộc các bị đơn bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn số tiền 22.768.667 đồng là không có cơ sở chấp nhận, về án phí đề nghị Hội đồng xét xử xem xét theo quy định của pháp luật.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho bà Võ Thị M, nhưng bà M vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt bà M.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng theo quy định tại khoản 6 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn và đối tượng tranh chấp có địa chỉ tại ấp M, xã H, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của các đương sự đã xác định được như sau:

Xét thấy, theo đơn khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T yêu cầu các bị đơn Nguyễn Thị X, Võ Minh T1, Võ Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do bà T không canh tác được với tổng số tiền là 22.768.667 đồng là chưa đủ căn cứ chấp nhận. Bởi vì:

[3.1] Trước đây các đương sự có tranh chấp quyền sử dụng đất là đường nước và bờ đi thuộc đường nước và phần đất của bà T bỏ hoang không có canh tác, nay bà T kiện gia đình bà X phải bồi thường thiệt hại với lý do gia đình bà X ngăn cản không cho bà T lấy nước vào để nuôi tôm, hoặc lấy nước vô tự nhiên để đặt cá, tép hoặc cho người khác thuê lại, thực tế thì bà T chỉ suy nghỉ chứ không có canh tác thả ao nuôi tôm. Do đó gia đình bà X không đồng ý bồi thường thiệt hại theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Thị T và tại biên bản xác minh ngày 12/01/2021 (BL97) ông Nguyễn Hoàng D Trưởng ban nhân dân ấp M, xã H, thị xã VC; Biên bản xác minh ngày 12/01/2021 (BL98) ông Nguyễn Văn T3 Phó Bí thư ấp M, xã H, thị xã VC tất cả đều có trình bày từ năm 2015 giữa gia đình bà T và gia đình bà X có xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất tại thửa đất 133, tờ bản đồ số 08 đất tọa lạc tại ấp M, xã H, thị xã VC tỉnh Sóc Trăng. Phần đất nêu trên bỏ hoang không có nuôi tôm hoặc canh tác gì khác và thửa đất 134 cũng bỏ hoang không có canh tác.

[3.2] Theo quy định của pháp luật thì bà Hoàng Thị T phải có nghĩa vụ chứng minh là có thiệt hại thực tế xảy ra, phải có mối quan hệ nhân quả giữa thiệt hại xảy ra và hành vi trái pháp luật của người gây thiệt hại, nhưng kể từ năm 2015 cho đến nay phần đất bà T yêu cầu bồi thường thiệt hại là đất trống, không có nuôi tôm hay canh tác gì khác.

[3.3] Trong quá trình giải quyết vụ án bà Hoàng Thị T có nhận Thông báo số: 42/TB-TA ngày 22/7/2020 (BL91) yêu cầu bà T cung cấp tài liệu, chứng cứ để chứng minh bà T bị thiệt hại mỗi tháng 833.000 đồng. Tuy nhiên bà T không cung cấp cho Tòa án được để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình. Bà T chỉ cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

[3.4] Xét thấy, ngoài lời trình bày của bà Hoàng Thị T ra và cung cấp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và những Bản án của Tòa án giải quyết thì bà T không đưa ra được chứng cứ nào khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ. Do đó, căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự: "*Đương sự có nghĩa vụ chứng minh mà không đưa ra được chứng cứ hoặc không đưa ra đủ chứng cứ thì Tòa án giải quyết vụ việc dân sự theo những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ việc*".

[4] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T yêu cầu các bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Võ Minh T1, bà Võ Thị M phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho bà Hoàng Thị T với số tiền 22.768.667 đồng (Hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T không được chấp nhận, nên bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét thấy, đề nghị của vị Kiểm sát viên là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 5; khoản 6 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 91; Khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 146; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ các điều 584, 585, 589 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 3 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị T đối với các bị đơn bà Nguyễn Thị X, ông Võ Minh T1, bà Võ Thị M về việc "

*Tranh chấp bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm"* với số tiền yêu cầu 22.768.667 đồng. (Hai mươi hai triệu, bảy trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm sáu mươi bảy đồng).

2. Về án phí sơ thẩm: Bà Hoàng Thị T phải chịu 1.138.433 đồng (Một triệu một trăm ba mươi tám nghìn bốn trăm ba mươi ba đồng) án phí dân sự, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp 312.345 đồng (Ba trăm mười hai nghìn ba trăm bốn mươi lăm đồng) theo Biên lai số 0003844, ngày 14/5/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, bà T còn phải tiếp tục nộp thêm 826.088 đồng (Tám trăm hai mươi sáu nghìn không trăm tám mươi tám đồng). Bà Nguyễn Thị X, ông Võ Minh T1, bà Võ Thị M không phải chịu án phí sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo bản án: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã Vĩnh Châu;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã Vĩnh Châu;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**